

Bản án số: 58/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/7/2022

V/v Ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐL, TỈNH BÌNH THUẬN**

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Trường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Thị Thúy Nga

2. Ông Đoàn Công Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2022/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 5 năm 2022; về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số 58, đường số 1, tổ 5, thôn 5, xã SN, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Anh Hồ Trần Diệp L, sinh năm 1977; nơi cư trú: Số 113, đường số 3, tổ 3, thôn 6, xã SN, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; vắng mặt bị đơn không có lý do chính đáng cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Thu H trình bày:

Chị Lê Thị Thu H và anh Hồ Trần Diệp L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2020 tại UBND xã SN, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn chị H, anh L chưa tổ chức đám cưới do ảnh hưởng của dịch Covid-19, cũng chưa sống chung với nhau ngày nào. Trong quá trình đó chị H, anh L thỉnh thoảng có liên lạc gặp nhau tuy nhiên tính tình không hòa hợp nên chị H, anh L thường xảy ra cãi vã và không tìm được tiếng nói chung trong việc giải quyết các vấn đề của cuộc sống. Nên từ đó đến nay chị H, anh L không tiến hành tổ chức lễ cưới. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, hiện nay chị H không còn tình cảm với anh L nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh L chưa có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Hồ Trần Diệp L:

Trong quá trình chuẩn bị xét xử mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia, không có ý kiến gửi Tòa án, do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại biên bản xác minh ngày 20/6/2022 bút lục số 27 thể hiện:

Anh Hồ Trần Diệp L có hộ khẩu thường trú tại xã SN, huyện ĐL và hiện cư trú tại số nhà 113, đường số 3, tổ 3, thôn 6, xã SN, huyện ĐL.

Tại biên bản xác minh ngày 21/6/2022 bút lục số 26 thể hiện:

Chị Lê Thị Thu H, anh Hồ Trần Diệp L tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn vào năm 2020 tại UBND xã SN, huyện ĐL. Sau khi kết hôn chị H, anh L chưa tổ chức đám cưới do ảnh hưởng của dịch Covid-19, thời gian sau đó chị H, anh L xảy ra mâu thuẫn nên không tổ chức đám cưới, hiện nay chị H, anh L chưa có con.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị H được ly hôn với anh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Hồ Trần Diệp L có nơi thường trú tại thôn 6, xã SN, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận nên việc khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn chị Lê Thị Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hồ Trần Diệp L nên quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã triệu tập họp lên đến lần thứ hai nhưng vắng mặt bị đơn anh Hồ Trần Diệp L không có lý do chính đáng, cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; vắng mặt nguyên đơn chị Lê Thị Thu H nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu H, anh Hồ Trần Diệp L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 10 tháng 3 năm 2020, số vào sổ 11, tại Ủy ban nhân dân xã SN, huyện ĐL đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn chị H, anh L chưa tổ chức đám cưới, cũng chưa sống chung với nhau thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, thường xảy ra cãi vã và không tìm được tiếng nói chung trong việc giải quyết các vấn đề của cuộc sống. Do đó, các bên không tổ chức đám cưới, hiện nay chị H không còn tình cảm với anh L nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Bản thân anh L trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều không tham gia, cũng không có ý kiến gửi Tòa án, để Tòa án hòa giải đoàn tụ, điều đó thể hiện anh L cũng không tha thiết gì cuộc sống hôn nhân với chị H, nhận thấy tình trạng mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L đã kéo dài, hạnh phúc không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần xử cho chị H được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự không tranh chấp và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không tranh chấp và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Cần buộc chị H phải chịu án phí ly hôn là phù hợp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 203; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi Hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều

27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thu H.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị Thu H được ly hôn với anh Hồ Trần Diệp L.

Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký ngày 10 tháng 3 năm 2020, số vào sổ 11, tại Ủy ban nhân dân xã SN, huyện ĐL hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về án phí:* Chị Lê Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009433, ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐL. Chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện ĐL;
- UBND xã SN, huyện ĐL;
- C.C Thi hành án DS.h. ĐL;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đình Trường